

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B Đ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2020/HSST

Ngày: 12/3/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà: Lâm Thị Chức

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông: Trương Đình Bắc  
Ông Trần Bá Hải

*Thư ký phiên tòa:* Bà: Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN B Đ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 và thông báo về việc dời lịch xét xử vụ án hình sự số: 01/TB-TA, ngày 24/02/2020; Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thị T, sinh năm: 1988; HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Lê Văn L, sinh năm 1962 và bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm: 1962; Bị cáo có chồng tên Nguyễn Trọng T1, sinh năm: 1980 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003; nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm: 1982; HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956 và bà Vương Thị Hoa Tr, sinh năm: 1956; Bị cáo có chồng tên Hồ Văn L1: sinh năm: 1978 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000; nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị H, 1980; HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Nguyễn Văn Ch, (đã chết) và bà Vương

Thị X, sinh năm: 1949; Bị cáo có chồng tên Thái Minh T2, sinh năm: 1980 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004; nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Đào Thị Th, sinh năm: 1988; HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Đào Xuân T3, sinh năm: 1960 và bà Trần Thị Nh, sinh năm: 1960; Bị cáo có chồng tên Thái Minh Th1, sinh năm: 1988 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006; nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1966; HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Nguyễn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị (đã chết); Bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn Kh, sinh năm: 1963 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1987; nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Trần Thị Kim Ch1, sinh năm: 1971; HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Trần Văn Đ1, (đã chết) và bà Nguyễn Thị T4 (đã chết); Bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn D, sinh năm: 1968 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1996; nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm: 1981; HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Văn Th2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1953; Bị cáo có chồng tên Phạm Văn Th3 sinh năm: 1975 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1999; nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Th4, sinh năm: 1991; HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông Nguyễn Văn Ch2 (đã chết) và bà Vương Thị X, sinh năm: 1949; Bị cáo có chồng tên Nguyễn Thanh Ch3, sinh năm: 1988 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007; nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Vương Thị Hoa Tr1, sinh năm: 1956; Tên gọi khác: Bé; HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông Vương Thành H2 (đã chết) và bà Vi Thị H3 (đã chết); Bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn L, sinh năm: 1962 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1976; nhỏ nhất sinh năm 1982;

Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019 bị cáo tại ngoại - *có mặt tại phiên tòa.*

10. Họ và tên: Phạm Thị L1, sinh năm: 1964; HKTT: Thôn 2, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Phạm Văn L2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm: 1935; Bị cáo có chồng tên Nguyễn Minh Th5, sinh năm: 1961 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1986; nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án; Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 08/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 6.000.000 đồng về tội đánh bạc. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - *có mặt tại phiên tòa.*

11. Họ và tên: Phạm Thị T5, sinh năm: 1962; HKTT: Thôn 2, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Phạm Mỹ Á, (đã chết) và bà Nguyễn Thị T6, sinh năm: 1936; Bị cáo có chồng tên Lý Mạnh H5 (đã chết) và 01 người con, sinh năm 1991; Tiền án; Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 21/7/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 11/8/2011 bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 5.000.000đồng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - *có mặt tại phiên tòa.*

12. Họ và tên: Lâm Hồng Ng1, sinh năm: 1979; HKTT: Thôn 6, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Lâm Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc Á1, sinh năm: 1959; Bị cáo có chồng tên Hồ Minh S, sinh năm: 1979 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000; nhỏ nhất sinh năm 2010; T án; T sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo được tại ngoại - *có mặt tại phiên tòa.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1986 – vắng mặt;  
HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
2. Ông Hồ Minh S, sinh năm: 1979 – có mặt;  
HKTT: Thôn 6, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
3. Nguyễn Trọng T1, sinh năm: 1981- vắng mặt;  
HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

*Người làm chứng:*

1. Vũ Văn T7, sinh năm: 1993 – vắng mặt;  
HKTT: Ấp 3, xã Thanh Hòa, HUYỆN B Đ, tỉnh Bình Phước.
2. Thái Minh T2, sinh năm: 1990 – vắng mặt;  
HKTT: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/10/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về một số đối tượng đang có hành vi đánh bạc được thua bằng T tại nhà Lê Thị T thuộc Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước. Công an huyện B Đ phối hợp với công an xã Th H đến địa điểm trên để kiểm tra phát hiện, bắt quả tang đối tượng Lê Thị T đang có hành vi dùng nhà ở của mình tổ chức cho 11 đối tượng khác chơi bài nỏ được thua bằng T để thu T xâu, gồm có: Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Phạm Thị T5, Lâm Hồng Ng1, Phạm Thị L1. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ được trên chiếu bạc, trên người các đối tượng những tài sản sau đây:

- + T thu trên chiếu bạc: 9.250.000 đồng (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn).
- + 52 (năm hai) lá bài tây đã qua sử dụng; 06 (sáu) bộ bài tây chưa qua sử dụng;
- 01 bịch (một) bịch nylon màu đen đựng 6,2 kg các lá bài, hộp bài đã qua sử dụng;
- + 01 (một) đĩa sứ hình tròn, màu trắng kích thước 13cm, cao 02cm, màu trắng;
- + 01 (một) tấm vải màu nâu đỏ, hình chữ nhật, có mười sọc kẻ màu vàng kích thước 320cm x 200cm;
- + 01 ca nhựa màu trắng kích thước 08cm x 19cm;
- + Thu trên người của Nguyễn Thị Thanh X 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng); 01 điện thoại OPPO, màu vàng đồng.
- + Thu trên người của Phạm Thị T5: 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn);
- + Thu trên người của Nguyễn Thị Hồng Th4 01 (một) điện thoại IPHON6, màu đồng.
- + Thu trên người của Vương Thị Hoa Tr1 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn).
- + Thu trên người của Nguyễn Thị H1 8.050.000 đồng (tám triệu không trăm năm mươi nghìn);
- + Thu trên người của Phạm Thị L1 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn);
- + Thu trên người của Nguyễn Thị Kim Ng 100.000 đồng (một trăm nghìn);
- + Phương tiện tạm giữ: 01 xe honda Wave, màu đỏ đen, Biển số: 93G1-121.13, số khung: 626893; số máy: 626947 của Lâm Hồng Ng1; 01 xe Honda Wave, màu đỏ đen, biển số: 93G1-082-60, số khung: 173198, SM; 173313 của Lê Thị T.

Quá trình Điều tra xác định: Ngày 08/10/2019, Lê Thị T đã tổ chức cho người khác chơi đánh bài tại nhà của T thuộc Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ để thu tiền xâu. T chuẩn bị 10 bộ bài tây (loại 52 lá); 01 (một) tấm vải màu nâu đỏ, hình chữ nhật, có mười sọc kẻ màu vàng kích thước 320cm x 200cm; 01 (một) đĩa sứ hình tròn, kích thước 13cm, cao 02cm, màu trắng để sẵn tại phòng khách để các đối tượng đến chơi bài. Khoảng 20 giờ cùng ngày Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị

Thanh X, Lâm Hồng Ng1, Phạm Thị T5, Phạm Thị L1, Vương Thị Hoa Tr1, Nguyễn Thị H, Trần Thị Kim Ch1, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng đến nhà T chơi bài nỏ được thua bằng tiền. Tại đây các bị cáo chơi bài nỏ được thua bằng T; X, H, Th thay nhau làm cái, chơi đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang.

Quy ước cách chơi như sau: Lấy 01 bộ bài tây gồm 52 lá, một người đứng ra làm cái và chia cho mỗi người hai lá bài (một ván ít nhất là 03 người chơi, nhiều nhất là 12 người chơi). Một ván bài người chơi đặt cược từ 50.000 đồng (năm mươi nghìn) đến 100.000 đồng (một trăm nghìn). Nếu tổng số điểm của hai lá bài dưới 04 điểm thì buộc phải rút thêm 01 lá bài nữa, nếu số điểm từ 04 đến 07 điểm thì có thể rút thêm 01 lá bài hoặc không rút thêm, nếu số điểm là 08 đến 09 thì có quyền “nỏ” và ai có điểm lớn hơn so với cái thì ăn tiền của người làm cái. Người nào có 02 lá bài đồng chất mà có số điểm 08 hoặc 09 điểm và lớn hơn số điểm của cái thì gọi là “nỏ đôi” được ăn tiền gấp đôi số tiền đã đặt với người làm cái. Người nào chơi có ba lá bài tây thì ăn gấp ba lần số tiền đã đặt với người làm cái. Người làm cái nếu “nỏ” thì phải bỏ tiền xâu là 50.000 đồng (năm mươi nghìn) vào cái ca nhựa đặt tại chiếu bạc.

Căn cứ lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ thu thập được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B Đ đã chứng minh được số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc như sau:

- Nguyễn Thị Thanh X đem theo 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn), sử dụng 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn) để chơi bạc, khi bị bắt thu giữ trên người của X là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn).

- Nguyễn Thị H đem theo 1.000.000 đồng (một triệu), sử dụng 1.000.000 đồng (một triệu) để chơi đánh bạc, trong quá trình chơi thua 1.000.000 đồng (một triệu đồng), khi bị bắt không thu giữ tiền.

- Đào Thị Th đem theo 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), sử dụng 2.000.000 đồng (hai triệu) để chơi đánh bạc, khi bị bắt toàn bộ tiền chơi đánh bạc để trên chiếu bạc.

- Lâm Hồng Ng1 đem theo 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), sử dụng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) để chơi đánh bạc, khi bị bắt toàn bộ tiền chơi đánh bạc để trên chiếu bạc.

- Phạm Thị L1 mang theo 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn), sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để chơi đánh bạc, khi bị bắt thu giữ trên người của L1 là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn).

- Nguyễn Thị H1 mang theo 8.000.000đ (tám triệu), sử dụng 1.000.000đ (một triệu năm trăm nghìn) để chơi đánh bạc, trong quá trình chơi thắng 50.000 đồng (năm mươi nghìn) khi bị bắt thu giữ trên người của H1 là 8.050.000 đồng (tám triệu không trăm năm mươi nghìn).

- Trần Thị Kim Ch1 mang theo 300.000 đồng (ba trăm nghìn), sử dụng 300.000 đồng (ba trăm nghìn) để chơi đánh bạc, khi bị bắt toàn bộ tiền chơi đánh bạc để trên chiếu bạc.

- Nguyễn Thị Kim Ng mang theo 400.000 đồng (bốn trăm nghìn), sử dụng 300.000 đồng (ba trăm nghìn) để chơi đánh bạc, trong quá trình chơi thua 100.000

đồng (một trăm nghìn), khi bị bắt 200.000 đồng (hai trăm nghìn) rơi trên chiếu bạc, thu giữ trên người của Ng 100.000 đồng (một trăm nghìn).

- Nguyễn Thị Hồng Th4 mang theo 200.000 đồng (hai trăm nghìn), sử dụng 200.000 đồng (hai trăm nghìn) để chơi đánh bạc, khi bị bắt toàn bộ tiền chơi đánh bạc để trên chiếu bạc.

- Phạm Thị T5 mang theo 8.300.000đ (tám triệu ba trăm nghìn), sử dụng 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn) để chơi đánh bạc, khi bị bắt toàn bộ tiền chơi đánh bạc để trên chiếu bạc, thu giữ trên người của T5 là 4.100.000đ (bốn triệu một trăm nghìn).

- Vương Thị Hoa Tr1 mang theo 3.000.000đ (ba triệu), sử dụng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) để chơi đánh bạc, trong quá trình chơi đã thua 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), khi bị bắt thu giữ trên người của Tr1 là 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn).

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng để chơi đánh bạc là: 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn).

Cáo trạng số: 03/Ctr-VKS ngày 29 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “ Tổ chức đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Phạm Thị T5, Lâm Hồng Ng1, Phạm Thị L1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trọng T1, ông Hồ Minh S đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

*+ Về tội danh và mức hình phạt:*

Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “ Tổ chức đánh bạc”

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 322; Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của bộ luật hình sự; Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Tuyên bố các bị cáo: Phạm Thị T5, Phạm Thị L1, Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Lâm Hồng Ng1 phạm tội “ Đánh bạc”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị T5 từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 16 (mười sáu) đến 20 (hai mươi) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị L1 từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 16 (mười sáu) đến 20 (hai mươi) tháng.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 50, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Kim Ch1 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Thị Th từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th4 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh X từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Vương Thị Hoa Tr1 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Hồng Ng1 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

+Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS 2015.

Tạm giữ của bị cáo Phạm Thị L1 3.000.000 đồng (ba triệu); Nguyễn Thị H1 7.000.000 đồng (bảy triệu); Nguyễn Thị Kim Ng 100.000 đồng (một trăm nghìn); Vương Thị Hoa Tr1 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị T5.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn) để đảm bảo cho việc thi hành án sau này.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn) các bị cáo dùng vào việc đánh bạc gồm: Nguyễn Thị H1 1.000.000đ (một triệu), Trần Thị Kim Ch1 300.000 đồng (ba trăm nghìn), Nguyễn Thị H 1.000.000 đồng (một triệu), Đào Thị Th 2.000.000 đồng (hai triệu ), Nguyễn Thị Kim Ng 300.000 đồng (ba trăm nghìn), Nguyễn Thị Hồng Th4 200.000 đồng (hai trăm nghìn), Nguyễn Thị Thanh X 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn) Vương Thị Hoa Tr1 150.000 đồng( một trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị T5, 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn), Lâm Hồng Ng1 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị L1 500.000đ (năm trăm nghìn).

Tịch thu tiêu hủy

+ 52 (năm hai) lá bài tây đã qua sử dụng; 06 (sáu) bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 bịch (một) bịch nylon màu đen đựng 6,2 kg các lá bài, hộp bài đã qua sử dụng;

+ 01 (một) đĩa sứ hình tròn, màu trắng kích thước 13cm, cao 02cm;

+ 01 (một) tấm vải màu nâu đỏ, hình chữ nhật, có mười sọc kẻ màu vàng kích thước 320cm x 200cm;

+ 01 ca nhựa màu trắng kích thước 08cm x 19cm;

Trả lại 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 6 màu đồng cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th4.

Trả lại 01 (một) điện thoại OPPO màu vàng đồng cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh X.

+Về hình phạt bổ sung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 322, khoản 3 Điều 321 phạt bổ sung:

- Bị cáo Lê Thị T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu);
- Các bị cáo Phạm Thị T5; Phạm Thị L1; Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Lâm Hồng Ng1 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu).

Các bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; Bị hại cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng là hoàn toàn phù hợp với nhau về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án cũng như vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ 30 ngày 08/10/2019, Lê Thị T đã tổ chức cho người khác chơi đánh bạc tại nhà của T thuộc Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ gồm: Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Phạm Thị T5, Lâm Hồng Ng1, Phạm Thị L1. T chuẩn bị 10 bộ bài tây (loại 52 lá); 01 (một) tấm vải màu nâu đỏ, hình chữ nhật, có mười sọc kẻ màu vàng kích thước 320cm x 200cm; 01 (một) đĩa sứ hình tròn, kích thước 13cm, cao 02cm, màu trắng, để sẵn tại phòng khách để các đối tượng đến chơi bài.

Tại đây các bị cáo chơi bài nỗ được thua bằng T; X, H, Th thay nhau làm cái, chơi đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang.

Quy ước cách chơi như sau: Lấy 01 bộ bài tây gồm 52 lá, một người đứng ra làm cái và chia cho mỗi người hai lá bài (một ván ít nhất là 03 người chơi, nhiều nhất là 12 người chơi). Một ván bài người chơi đặt cược từ 50.000 đồng (năm mươi nghìn) đến 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Nếu tổng số điểm của hai lá bài dưới 04 điểm thì buộc phải rút thêm 01 lá bài nữa, nếu số điểm từ 04 đến 07 điểm thì có thể rút thêm 01 lá bài hoặc không rút thêm, nếu số điểm là 08 đến 09 thì có quyền “nổ” và ai có điểm lớn hơn so với cái thì ăn tiền của người làm cái. Người nào có 02 lá bài đồng chất mà có số điểm 08 hoặc 09 điểm và lớn hơn số điểm của cái thì gọi là “nổ đôi” được ăn tiền gấp đôi số tiền đã đặt với người làm cái. Người nào chơi có ba lá bài tây thì ăn gấp ba lần số tiền đã đặt với người làm cái. Người làm cái nếu “nổ” thì phải bỏ tiền xâu là 50.000 đồng (năm mươi nghìn).

Tại phiên tòa xác định được các bị cáo: Nguyễn Thị H1 đã sử dụng 1.000.000 đồng (một triệu), Trần Thị Kim Ch1 sử dụng 300.000 đồng (ba trăm nghìn), Nguyễn Thị H 1.000.000 đồng (một triệu), Đào Thị Th 2.000.000 đồng (hai triệu), Nguyễn Thị Kim Ng 300.000 đồng (ba trăm nghìn), Nguyễn Thị Hồng Th4 200.000 đồng (hai trăm nghìn), Nguyễn Thị Thanh X 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn), Vương Thị Hoa Tr1 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị T5, 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn), Lâm Hồng Ng1 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị L1 500.000đ (năm trăm nghìn). Tổng số tiền các bị cáo dùng để chơi đánh bạc là: 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn).

Hành vi của bị cáo Lê Thị T đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ Luật hình sự. Hành vi của các bị cáo: Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Phạm Thị T5, Lâm Hồng Ng1, Phạm Thị L1 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự như nội dung bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 29 tháng 12 năm 2019 truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm hại trật tự công cộng, ảnh hưởng nếp sống văn minh, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi đánh bạc là 01 trong những tệ nạn xã hội mà Đảng và Nhà nước ta kiên quyết bài trừ, từ hành vi đánh bạc nảy sinh ra các loại tội phạm khác như "trộm cắp, cướp giật tài sản"... cũng từ đánh bạc để lại hệ lụy khôn lường như tan vỡ hạnh phúc gia đình đổ bể, thiệt hại về kinh tế cũng như tài sản gia đình... Các bị cáo nhận thức rõ được hành vi đánh bài nổ thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì lười lao động muốn có tiền hưởng thụ nhanh chóng các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm.

Đối với bị cáo Lê Thị T là chủ sở hữu căn nhà nơi mà các bị cáo tụ tập đánh bạc, T biết được hành vi sử dụng nhà riêng của mình để tổ chức cho các bị cáo đánh bạc thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức đánh bạc” với vai trò là người giúp sức tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo thực hiện tội phạm.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo T là người đứng ra tổ chức đánh bạc và chuẩn bị công cụ phạm tội từ trước. Trong vụ án này không có sự bàn bạc, phân công nhưng bị cáo T là người giữ vai trò chính trong việc tổ chức đánh bạc các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc là ngang nhau đều tham gia tích cực vào việc đánh bạc. Tuy nhiên, mức độ ăn thua và số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là khác nhau nên cần có hình phạt tương ứng đối với các bị cáo, để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Lâm Hồng Ng1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình; Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thị T5, Phạm Thị L1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[6]. Về nhân thân: Ngày 21/7/1998 Bị cáo Phạm Thị T5 bị Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân”. Ngày 11/8/2011 bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 5.000.000đồng (năm triệu) về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo Phạm Thị L1 ngày 08/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 6.000.000 đồng (sáu triệu) về tội đánh bạc. Đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng cho thấy ý thức tuân thủ pháp luật không tốt của các bị cáo T5 và bị cáo L1, không xem đó là bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. HĐXX cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đối chiếu với Nghị quyết số 02/2018 /NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chỉ cần giao bị cáo về địa phương nơi cư trú giám sát cũng đủ cải tạo, giáo dục, các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Trọng T1, ông Hồ Minh S đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì thêm. HĐXX không xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 322 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu), các bị cáo Phạm Thị T5, Phạm Thị L1, Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa

Tr1, Lâm Hồng Ng1 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu) là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

[7] Về vật chứng:

Một xe Hon đa màu đỏ, đen, biển số 93G1-082.60 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Trọng T1 xe không sử dụng vào mục đích đánh bạc; một xe mô tô hiệu Hon đa màu đỏ, đen, biển số 93G1-121.13 là tài sản hợp pháp của ông Hồ Minh S cho bị cáo Ng1 mượn để sử dụng. Do ông S không biết Ng1 sử dụng để đi đến nhà bị cáo T và đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T1, ông S là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xét.

Một điện thoại hiệu OPPO màu vàng đồng của Nguyễn Thị Thanh X; Một điện thoại hiệu IPHONE 6, màu đồng của Nguyễn Thị Hồng Th4 không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 52 (năm hai) lá bài tây đã qua sử dụng; 06 (sáu) bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 bịch (một) bịch nylon màu đen đựng 6,2 kg các lá bài, hộp bài đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ hình tròn, kích thước 13cm, cao 02cm, màu trắng; 01 (một) tấm vải màu nâu đỏ, hình chữ nhật, có mười sọc kẻ màu vàng kích thước 320cm x 200cm; 01 ca nhựa màu trắng kích thước 08cm x 19cm, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Tạm thu số tiền cá nhân của bị cáo Phạm Thị L1 3.000.000 đồng (ba triệu), Nguyễn Thị H1 7.000.000 đồng (bảy triệu), Nguyễn Thị Kim Ng 100.000 đồng (một trăm nghìn), Vương Thị Hoa Tr1 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị T5, 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn) để đảm bảo cho việc thi hành án sau này.

-Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn) gồm: Nguyễn Thị H1 1.000.000đ (một triệu), Trần Thị Kim Ch1 300.000 đồng (ba trăm nghìn), Nguyễn Thị H 1.000.000 đồng (một triệu), Đào Thị Th 2.000.000 đồng (hai triệu), Nguyễn Thị Kim Ng 300.000 đồng (ba trăm nghìn), Nguyễn Thị Hồng Th4 200.000 đồng (hai trăm nghìn), Nguyễn Thị Thanh X 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn), Vương Thị Hoa Tr1 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị 54, 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn), Lâm Hồng Ng1 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị L1 500.000đ (năm trăm nghìn).

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0007613 ngày 26 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ).*

Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN B Đ tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, các bị cáo: Phạm Thị T5, Phạm Thị L1, Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Lâm Hồng Ng1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Lê Thị T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24(hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Phạm Thị T5 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Phạm Thị L1 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị H1 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Trần Thị Kim Ch1 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Nguyễn Thị H 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Đào Thị Th 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Nguyễn Thị Kim Ng 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Nguyễn Thị Hồng Th4 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Nguyễn Thị Thanh X 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Vương Thị Hoa Tr1 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Lâm Hồng Ng1 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo: Lê Thị T, Phạm Thị T5, Phạm Thị L1, Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Lâm Hồng Ng1 về UBND xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gia thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trên đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2] Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Thị T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu).

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 của bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo: Phạm Thị T5, Phạm Thị L1, Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4, Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Lâm Hồng Ng1 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu).

[3] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS 2015.

Tuyên tạm giữ của bị cáo Phạm Thị L1 3.000.000 đồng (ba triệu); Nguyễn Thị H1 7.000.000 đồng (bảy triệu); Nguyễn Thị Kim Ng, 100.000 đồng (một trăm nghìn); Vương Thị Hoa Tr1 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị T5, 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn) để đảm bảo cho việc thi hành án sau này.

-Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn) gồm: Nguyễn Thị H1 1.000.000đ (một triệu), Trần Thị Kim Ch1 300.000 đồng (ba trăm nghìn), Nguyễn Thị H 1.000.000 đồng (một triệu), Đào Thị Th 2.000.000 đồng (hai triệu), Nguyễn Thị Kim Ng 300.000 đồng (ba trăm nghìn), Nguyễn Thị Hồng Th4 200.000 đồng (hai trăm nghìn), Nguyễn Thị Thanh X 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn), Vương Thị Hoa Tr1 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị T5, 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn), Lâm Hồng Ng1 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), Phạm Thị L1 500.000đ (năm trăm nghìn).

- Tịch thu tiêu hủy 52 (năm hai) lá bài tây đã qua sử dụng; 06 (sáu) bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 bịch (một) bịch nylon màu đen đựng 6,2 kg các loại lá bài, hộp bài đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ hình tròn; 01 (một) tấm vải màu nâu đỏ, hình chữ nhật, có mười sọc kẻ màu vàng; 01 ca nhựa màu trắng.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0007613 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ, tỉnh Bình Phước).*

Trả lại 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 6 màu đồng cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th4.

Trả lại 01 (một) điện thoại OPPO màu vàng đồng cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh X .

[3] *Về án phí:* Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Lê Thị T, Phạm Thị T5, Phạm Thị L1, Nguyễn Thị H1, Trần Thị Kim Ch1, Nguyễn Thị H, Đào Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Hồng Th4,

Nguyễn Thị Thanh X, Vương Thị Hoa Tr1, Lâm Hồng Ng1 mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND Bình Phước;
- VKSND HUYỆN B Đ;
- Công an HUYỆN B Đ;
- Chi cục THADS HUYỆN B Đ;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Thị Chức**